

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng
2. Ông La Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện H, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Lê Quang N, sinh năm 1984. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 26 tháng 01 năm 2022 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh Lê Quang N chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, thường xuyên gây gổ, dù đã cho nhiều cơ hội nhưng vẫn không thay đổi. Anh chị đã ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Quang N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nguyễn Quang V, sinh ngày 13/10/2009 và Lê Quang Nhật V1, sinh ngày 05/12/2012. Con đang sống với anh N. Khi ly hôn, chị L để anh N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Quang N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Anh thống nhất với chị Nguyễn Thị Mỹ L về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, con chung và thời gian ly thân. Cuộc sống vợ chồng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp; anh chị đã ly thân từ 22/01/2022 đến nay, chị L xin ly hôn, anh đồng ý.

Trong trường hợp ly hôn, anh đồng ý tiếp tục nuôi 02 con chung là Lê Nguyễn Quang V, sinh ngày 13/10/2009 và Lê Quang Nhật V1, sinh ngày 05/12/2012 (đang sống với anh), anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có lời trình bày không đồng ý để chị L tới lui thăm con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quang N; anh Lê Quang N hiện cư trú tại ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải; Tòa án đã thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Lê Quang N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Mỹ L cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, dù đã cho nhiều cơ hội nhưng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã ly thân từ tháng 01/2022 đến nay.

Mâu thuẫn giữa anh chị cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết.

Anh Lê Quang N cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng từ khi sống ly thân đến nay, anh Lê Quang N không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, trong khi chị Nguyễn Thị Mỹ L xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Lê Quang N nên kiên quyết yêu cầu ly hôn và có đơn đề nghị không hòa giải. Mặt khác, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh chị vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh. Tại bản tự khai, anh N cũng có lời trình bày đồng ý ly hôn.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Lê Quang N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Lê Quang N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Lê Quang N thống nhất anh chị có 02 con chung tên Lê Nguyễn Quang V, sinh ngày 13/10/2009 và Lê Quang Nhật V1, sinh ngày 05/12/2012. Từ khi ly thân đến nay, anh Lê Quang N là người trực tiếp chăm sóc con chung. Trong trường hợp ly hôn, chị L và anh N thống nhất để anh N tiếp tục nuôi dưỡng con chung; mặt khác, tại Bản tự khai 02 con chung có nguyện vọng sống với anh N. Thấy rằng, sự thống nhất của chị L và anh N về con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét ý kiến của anh N về việc không đồng ý để chị L tới lui thăm con: ý kiến này không đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên Hội đồng xét xử không ghi nhận. Anh N có quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ trực tiếp nuôi con theo Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[5]. Về cấp dưỡng: Tại Bản tự khai, anh Lê Quang N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Lê Quang N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Lê Quang N về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Lê Quang N.

- Về con chung: Anh Lê Quang N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Nguyễn Quang V, sinh ngày 13/10/2009 và Lê Quang Nhật V1, sinh ngày 05/12/2012. Chị Nguyễn Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Lê Quang N không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Lê Quang N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 9633 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND xã T;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thanh